TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2025.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Đình Tuyết H, sinh năm 1965.
Địa chỉ: đường L phường BP, TP.HCM (có mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh H, sinh năm 1967.
Thường trú: đường M, phường BT, TP.HCM.
Địa chỉ: đường L phường BP, TP.HCM (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Chị Phạm Đình Tuyết H trình bày: Chị Phạm Đình Tuyết H và Anh Huỳnh Minh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số 1/89, ngày 14/3/1989 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng, anh H có hành vi bạo lực ngôn từ, đe dọa tính mạng, sức khỏe và tinh thần của chị H, thường xuyên cự cãi hiện nay vợ chồng đã ly thân tháng 07/2022.

Chị đã suy nghĩ kỹ về mối quan hệ hôn nhân của chị và anh H, bản thân chị không

nhận được sự quan tâm, chăm sóc của chồng dành cho chị. Bản thân chị đã lớn tuổi rồi, có rất nhiều vấn đề về sức khỏe nhưng chị không nhận được sự quan tâm chăm sóc của anh H. Chị thấy rằng anh H không còn yêu thương, quan tâm đến chị nên mọi thứ đều chỉ là nghĩa vụ, không còn muốn quan tâm đến nhau nữa.

Nay Chị Phạm Đình Tuyết H xác định không còn tình cảm với Anh Huỳnh Minh H. Do đó, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Huỳnh Trưởng A (nam), sinh ngày 03/5/1987 (đã thành niên) và Huỳnh Ái T (nữ), sinh ngày 28/9/1991 (đã thành niên).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị Phạm Đình Tuyết H không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn - Anh Huỳnh Minh H trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số 1/89, ngày 14/3/1989 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp là đúng.

Anh H trình bày: Từ tháng 07/2022 do anh thiếu nợ tổng cộng 110.000.000 đồng, nợ Công Ty cho thuê tài chính là 30.000.000 đồng và một công ty cho thuê tài chính nước ngoài không nhớ rõ tên là 30.000.000 đồng nên anh phải bỏ đi trốn nợ, chứ không phải là ly thân với chị H.

Anh H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng anh không đánh đập chị H, không gây thương tích cho chị H.

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh không đồng ý ly hôn vì anh đã lớn tuổi, ly hôn ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, anh và chị H đã có cháu nội, nên mong muốn giữ gia đình trọn vẹn để làm gương cho con cháu. Bản thân anh đã lớn tuổi nhưng hàng ngày vẫn phải đi chạy xe ôm công nghệ để kiếm sống.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị H phải ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung là căn nhà số đường L, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Nguồn gốc căn nhà này là do vợ chồng mua đấu giá của Thi hành án Quận 6 vào năm 1997. Khi mua tại Thi hành án Quận 6, thì do em vợ là Phạm Đình Bá H đứng tên trên hợp đồng mua đấu giá. Tiền là do anh H và chị H bỏ ra để đưa tiền cho em vợ trả cho Thi hành án. Sau khi mua xong thì em vợ làm hợp đồng tặng cho lại cho vợ là Phạm Đình Tuyết H. Đến nay, nhà này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Toàn bộ giấy tờ liên quan đến căn nhà đều do vợ là Phạm Đình Tuyết H cất giữ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, anh H không đồng ý để toà án lập biên bản tự nguyện ly hôn và hoà giải thành để ra quyết định mà yêu cầu Toà án phải mở phiên toà

xát xử để a trình bày ý kiến thì anh H mới đồng ý ly hôn và anh H muốn có bản án ly hôn để nộp cho Toà án yêu cầu chia tài sản ở vụ án tiếp theo.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Huỳnh Trưởng A (nam), sinh ngày 03/5/1987 (đã thành niên) và Huỳnh Ái T (nữ), sinh ngày 28/9/1991 (đã thành niên).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh Huỳnh Minh H không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.
- Về con chung: Có 02 con chung đã thành niên.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Anh Huỳnh Minh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Minh H đồng ý ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung đã thành niên.
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Minh H sẽ yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác, tại phiên toà hôm nay a H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

Về việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa: Ngày 14/7/2025 Viện kiểm sát có Công văn số 01/CV-VKS-DS với nội dung: *"Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự"*, nên Viện kiểm sát không tham gia phiên toà là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Đình Tuyết H và Anh Huỳnh Minh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/89, ngày 14/3/1989 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, sau khi đăng ký kết hôn đến từ năm 2022 Anh Huỳnh Minh H và Chị Phạm Đình Tuyết H thường xuyên cự cãi, xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều ý kiến bất đồng, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và cũng từ năm 2022 thì Chị

Phạm Đình Tuyết H và Anh Huỳnh Minh H đã không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay Chị Phạm Đình Tuyết H xác định không còn tình cảm với Anh Huỳnh Minh H, nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Huỳnh Minh H.

Mặc dù anh H trình bày rằng không muốn ly hôn, vì vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng kể từ khi chị H nộp đơn khởi kiện ly hôn, Toà án đã nhiều lần làm việc với anh H để thông báo về yêu cầu ly hôn của chi H , đồng thời giúp anh H hiểu rõ hơn về tình trạng hôn nhân hiện tại và có thời gian suy xét việc hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử, anh H vẫn chưa đưa ra được phương án cụ thể nào nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với quan hệ vợ chồng giữa anh chị thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ 2022 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Chị Phạm Đình Tuyết H có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Đình Tuyết H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các căn cứ trên và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Đình Tuyết H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Đình Tuyết H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Đình Tuyết H được ly hôn với Anh Huỳnh Minh H.

2. Về con chung: Có 02 con chung, tên Huỳnh Trưởng A (nam), sinh ngày 03/5/1987 và Huỳnh Ái T (nữ), sinh ngày 28/9/1991 (2 con đã thành niên).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Đình Tuyết H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, quyển số 1/89, ngày 14/3/1989 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Tây) cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Đình Tuyết H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0065172 ngày 01/4/2025 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3). Chị Phạm Đình Tuyết H đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 3;
- Phòng Thi hành án DS KV 3;
- UBND P. Bình Tây, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lưu Ly **Nguyễn Thị Kim Loan** **Tô Thanh Sang**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Quận 6;
- UBND P.01,Q.6;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang